TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G
Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 15/01/2020
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng về vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**
Ông **Lê Văn D**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu B** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng về vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Đ**
Địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, quận P, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Đ (Theo văn bản ủy quyền số: 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016).
Ông T ủy quyền thường xuyên cho ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh G (Theo văn bản ủy quyền số 2045/QĐ-DAB-PC ngày 11/11/2016).
Ông Tuyến ủy quyền cho bà Lê Hồng H - sinh năm 1986, Nhân viên phòng phát triển kinh doanh, tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền số 03/QĐ-DAB ngày 03/4/2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trương Đào Anh K**, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn Hàm Rồng, xã I, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Đ trình bày: Ngày 05/12/2017, anh Trương Đào Anh K có ký kết hợp đồng số N4789/117 để vay số tiền 200.000.000

đồng của Ngân hàng Đ; lãi suất 11%/1 năm; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay là để đầu tư nông nghiệp.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, anh K đã thế chấp tài sản là đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số N8910/TC17 ngày 05/12/2017 là các thửa đất số 168, 169, 170, tờ bản đồ số 59 loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 4.098m^2 tại thôn 6, xã I huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BT 211594 ngày 19/5/2014 cho anh K.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh K đã trả lãi trong hạn được với số tiền 11.200.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Do anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 06/12/2018 đến nay toàn bộ số nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần mời anh K đến để giải quyết khoản nợ nhưng anh K không trả nợ mà còn cố tình trốn tránh.

Vì vậy, Ngân hàng Đ khởi kiện ra Tòa, yêu cầu giải quyết buộc anh K phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 248.322.222 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.105.555 đồng và nợ lãi quá hạn tính từ ngày 06/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/01/2020 là 37.216.667 đồng.

Trường hợp anh K không trả nợ thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để đảm bảo thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Trương Đào Anh K đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không có mặt. Do vậy, hồ sơ vụ án không có lời khai của bị đơn anh Trương Đào Anh K.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Đoa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng để

triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Trương Đào Anh K. Tuy nhiên, anh K không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 05/12/2017, anh Trương Đào Anh K có ký kết hợp đồng số N4789/117 để vay số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng Đ; lãi suất 11%/1 năm; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay là để đầu tư nông nghiệp. Để đảm bảo cho hợp đồng vay, anh K đã thế chấp tài sản là đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số N8910/TC17 ngày 05/12/2017 gồm các thửa đất số 168, 169, 170, tờ bản đồ số 59 loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 4.098m^2 tại thôn 6, xã I huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BT 211594 ngày 19/5/2014 đứng tên anh Trương Đào Anh K.

Xét việc ký kết Hợp đồng tín dụng số N4789/117 ngày 05/12/2017 giữa các bên là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng; các bên tham gia giao dịch tự nguyện nên hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh K đã trả tiền lãi 06 tháng trong hạn với số tiền 11.200.000 đồng, sau đó thì không tiếp tục trả nữa. Do anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 06/12/2018 đến nay toàn bộ số nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần mời anh K đến để giải quyết khoản nợ nhưng anh K không trả nợ mà cố tình trốn tránh, bỏ đi khỏi địa phương. Vì vậy, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K phải trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng vay tiền, anh K đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản trên đất thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N8910/TC17 ngày 05/12/2017 gồm các thửa đất số 168, 169, 170, tờ bản đồ số 59 loại đất trồng cây lâu năm, có diện tích 4.098m^2 tại thôn 6, xã I huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BT 211594 ngày 19/5/2014 đứng tên anh Trương Đào Anh K. Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng, anh K dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng là nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh K. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp anh K không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đó để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2019 các tài sản thế chấp có hiện trạng như sau: Đất có tổng diện tích là 4.098m^2 tại thôn 6, xã I, huyện Đăk Đoa, tỉnh G. Gồm 03 thửa đất nằm liền kề nhau là thửa số 168, 169, 170 tờ bản đồ số 59, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 211594 ngày 19/5/2014 cho ông Trương công Kh và bà Đào Thị N, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 01089. Đất đã làm thủ tục tặng cho ông Trương Đào Anh K

theo hợp đồng công chứng số 003855 được Văn phòng công chứng X chứng thực vào ngày 27/11/2017. Cụ thể:

- Thửa đất số 168 tờ bản đồ địa chính số 59 có diện tích 1.426,7m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 169 dài 49,50 mét

+ Phía Tây giáp đường đất dài 48,58 mét

+ Phía Nam giáp thửa đất số 10 dài 28,72 mét

+ Phía Bắc giáp đường đất dài 29,57 mét

- Thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 59 có diện tích 1.410,8m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 170 dài 48,58 mét

+ Phía Tây giáp thửa đất 168 dài 49,50 mét

+ Phía Nam giáp thửa đất số 11 dài 29,55 mét

+ Phía Bắc giáp đường đất dài 28,03 mét

- Thửa đất số 170 tờ bản đồ địa chính số 59 có diện tích 1.260,5m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường đất có kích thước cạnh tiếp giáp là 27,82 mét + 3,89 mét và giáp thửa đất số 305 tờ bản đồ số 60 là 13,80 mét.

+ Phía Tây giáp thửa đất 169 dài 48,58 mét

+ Phía Nam giáp thửa đất số 12 dài 27,85 mét

+ Phía Bắc giáp đường đất dài 22,71 mét + 4,18 mét

Về tài sản trên đất gồm: Hiện còn 462 trụ tiêu trồng năm 2016 (trụ sống) và 401 cây cà phê Rubusta trồng năm 2007 không được đầu tư chăm sóc, phát triển kém.

[4] Đối với toàn bộ số tiền lệ phí thông báo thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000đồng, nguyên đơn là người có nghĩa vụ thông báo nên phải chịu toàn bộ chi phí này. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[5] Về chí phí xem xét thẩm định: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Đ đã nộp đủ số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Trương Đào Anh K phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Đ số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của BLTTDS;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ.

Buộc anh Trương Đào Anh K phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền 248.322.222 đồng *(Hai trăm bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng)*. Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.105.555 đồng và nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử (15/01/2020) là 37.216.667 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trong trường hợp anh Trương Đào Anh K không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Đ thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể:

- Thửa đất số 168 tờ bản đồ địa chính số 59 có diện tích 1.426,7m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 169 dài 49,50 mét
+ Phía Tây giáp đường đất dài 48,58 mét
+ Phía Nam giáp thửa đất số 10 dài 28,72 mét
+ Phía Bắc giáp đường đất dài 29,57 mét

- Thửa đất số 169 tờ bản đồ địa chính số 59 có diện tích 1.410,8m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 170 dài 48,58 mét
+ Phía Tây giáp thửa đất 168 dài 49,50 mét
+ Phía Nam giáp thửa đất số 11 dài 29,55 mét
+ Phía Bắc giáp đường đất dài 28,03 mét

- Thửa đất số 170 tờ bản đồ địa chính số 59 có diện tích 1.260,5m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường đất có kích thước cạnh tiếp giáp là 27,82 mét + 3,89 mét và giáp thửa đất số 305 tờ bản đồ số 60 là 13,80 mét.

+ Phía Tây giáp thửa đất 169 dài 48,58 mét

+ Phía Nam giáp thửa đất số 12 dài 27,85 mét

+ Phía Bắc giáp đường đất dài 22,71 mét + 4,18 mét

Về tài sản trên đất gồm: Hiện còn 462 trụ tiêu trồng năm 2016 (trụ sống) và 401 cây cà phê Rubusta trồng năm 2007 không được đầu tư chăm sóc, phát triển kém.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh Trương Đào Anh K phải trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc anh Trương Đào Anh K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.416.111 đồng *(Mười hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm mười một đồng).*

- Ngân hàng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 5.550.347 đồng (*Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005025 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2020), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H